

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị H, sinh năm: 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn L, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/4/2018, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày:

Trước khi cưới, chị (Lâm Thị H) và anh Lương Văn L không tìm hiểu nhau mà chỉ thông qua mai mối rồi tiến đến hôn nhân. Chị và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã N.

Sau khi cưới, vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng tại thôn Q, xã N, thị xã A. Cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Chị và anh L không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Chị trở về nhà cha mẹ ruột của chị sống, giữa chị và anh L không ai liên lạc với ai nữa. Chị yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có.

Anh Lương Văn L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị H đối với anh Lương Văn L. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Chị Lâm Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lương Văn L ở thôn Q, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Anh Lương Văn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lâm Thị H và anh Lương Văn L đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị H xác định nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị và anh L không tìm hiểu kỹ mà thông qua mai mối nên tính tình vợ chồng không hợp nhau. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi cưới, chị H và anh L không tìm hiểu kỹ mà chỉ thông qua mai mối nên giữa họ chưa thực sự hiểu nhau và sẵn sàng cho cuộc hôn nhân bền vững. Sau gần một năm chung sống, vợ chồng không thể duy trì hạnh phúc vì tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và tự cắt đứt liên lạc với nhau, không muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục xây dựng mái ấm gia đình. Giữa chị H và anh L đã không còn yêu thương và có trách nhiệm với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh L không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có.

[2.4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị H đối với anh Lương Văn L.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, miễn xét.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008626 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lương Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Đảm